

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẢO LỘC
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12-9-2022

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Xuân Ty

2. Bà Dương Thị Tố Như

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 315/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Kim A**, sinh năm 1979. Nơi cư trú: phường B, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh. *Vắng mặt.*

2. *Bị đơn:* Ông **Phóng Hồi L**, sinh năm 1968. Nơi cư trú: xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Trần Thị Kim A trình bày: Bà và ông Phóng Hồi L tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 31/3/1999. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là mâu thuẫn kinh tế gia đình, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên tranh cãi, quá trình chung sống ông L đã đánh đập bà. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ giữa năm 2020 đến nay, mạnh ai nấy sống không còn

quan tâm lẫn nhau, bà xác định không còn tình cảm với chồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông L.

Về con chung: Vợ chồng có 06 con chung tên Phóng Quay K sinh ngày 01/01/2000, Phóng Quỳnh N sinh ngày 16/3/2001, Phóng Tú T sinh ngày 07/8/2003, Phóng Quý L sinh ngày 20/5/2007, Phóng Quốc T1 sinh ngày 24/01/2010 và Phóng Anh K1 sinh ngày 11/5/2016. Các con chung K, N và T hiện đã thành niên; các con chung chưa thành niên đang ở với ông L và đi học tại thành phố Bảo Lộc, hiện bà đang sống và làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh nên ly hôn bà đồng ý giao các con chung L, T1, K1 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi các con chung thành niên.

Về tài sản chung: Bà và ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có.

Ông L đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 cho bà A ly hôn với ông L vì mục đích hôn nhân không đạt; giao 03 con chung Phóng Quý L, Phóng Quốc T1 và Phóng Anh K1 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi thành niên. Tuy nhiên, tại hồ sơ không thể hiện yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và tại phiên tòa đều vắng mặt các đương sự nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để xác minh làm rõ về việc cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Kim A có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông Phóng Hối L đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và không thuộc trường hợp bất khả kháng, nên căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông L hiện cư trú tại xã L, thành phố B. Do vậy, xác định đây là tranh chấp ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông L là hợp pháp do hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, bà A xác định không còn tình cảm với ông L, cuộc sống vợ chồng không thể hòa hợp được nên yêu cầu được ly hôn với ông L. Qua xác minh thực tế tại chính quyền địa phương và hàng xóm của bà A, ông L thì cuộc sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, hiện nay cả hai đã sống ly thân, mỗi người sống một nơi, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai nấy sống. Như vậy, thực trạng quan hệ hôn nhân của bà A và ông L đã thể hiện mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A.

[4]. Bà A và ông L có 06 con chung. Các con chung tên Phóng Quay K sinh năm 2000, Phóng Quỳnh N sinh năm 2001 và Phóng Tú T sinh năm 2003 hiện đều đã thành niên và không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Các con chung Phóng Quốc T1 sinh ngày 24/01/2010, Phóng Anh K1 sinh ngày 11/5/2016 đang ở với ông L và đi học ổn định tại thành phố Bảo Lộc, con chung tên Phóng Quý L sinh ngày 20/5/2007 có nguyện vọng ở với bố, hiện bà A đang sống và làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh; ly hôn bà A đồng ý giao các con chung L, T1 và K1 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi các con chung thành niên. Xét thấy để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống của các con chung chưa thành niên nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con; giao 03 con chung L, T1 và K1 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi thành niên.

Quá trình giải quyết vụ án, ông L đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và được tổng đạt hợp lệ Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng không có văn bản thể hiện ý kiến đối với nội dung vụ án. Đồng thời Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông L đến làm việc nhưng ông L đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể lấy ý kiến của ông L về việc cấp dưỡng nuôi con đối với các con chung chưa thành niên. Trường hợp sau này ông L có yêu cầu đối với việc cấp dưỡng nuôi con thì giải quyết theo quy định của pháp luật. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để làm rõ về việc cấp dưỡng nuôi con của đại diện Viện kiểm sát.

[5]. Về tài sản chung bà A trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung bà A xác định không có nên Tòa án không đề cập.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho bà Trần Thị Kim A ly hôn ông Phóng Hồi L.

2. Về nuôi con chung: Giao 03 con chung tên Phóng Quý L sinh ngày 20/5/2007, Phóng Quốc T1 sinh ngày 24/01/2010 và Phóng Anh K1 sinh ngày 11/5/2016 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

Các con chung tên Phóng Quay K sinh năm 2000, Phóng Quỳnh N sinh năm 2001 và Phóng Tú T sinh năm 2003 hiện đều đã thành niên và không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Bà A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005185 ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng; bà A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND TP. Bảo Lộc (1);
- Chi cục THADS TP. Bảo Lộc (1);
- UBND X. L, TP. B, T. Lâm Đồng (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc